TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2020
V/v ly hôn và tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 15/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh T, sinh năm 1980; đăng ký thường trú: Ấp TL, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Đường DJ5, khu phố 3b, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1978; đăng ký thường trú: Ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Đường DJ9, khu phố 3b, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trịnh T trình bày:

Bà T và ông V kết hôn lần đầu năm 2006. Do mâu thuẫn nên bà T, ông V đã ly hôn năm 2010. Năm 2014, bà T và ông V quay lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương ngày 24/12/2014, hôn nhân tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông V không quan tâm đến gia đình. Bà T đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà T và ông V không còn chung sống từ tháng 3/2019 cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày: 10/01/2008 và Nguyễn A, sinh ngày: 14/9/2015. Hiện tại các con chung đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu L và A vì các cháu được mẹ chăm sóc từ nhỏ, cuộc sống đã ổn định. Bà T yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bà T trình bày bà có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Hiện tại bà T làm công nhân cho Công ty TNHH Toyotsu Safety & Automotive Components Việt Nam, thu nhập hàng tháng từ 8.500.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Ngoài giờ làm việc tại công ty, bà T còn buôn bán hàng ăn tại nhà để tăng thêm thu nhập. Bà T cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động, bảng lương để chứng minh cho yêu cầu của mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn: Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông V thống nhất với lời trình bày của bà Thủy về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Ông V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

- Về con chung: Ông V thừa nhận từ tháng 3/2019 đến nay các con chung sống cùng với bà T nhưng ông vẫn qua lại thăm nom, chăm sóc, chu cấp cho con thường xuyên. Ông V đồng ý giao cháu Nguyễn L cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Đối với cháu Nguyễn A, ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông V, bà T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông V đang làm công nhân cho Công ty kết cấu thép toàn cầu USF, thu nhập cơ bản hàng tháng là 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con. Ông Vh có cung cấp bảng lương cho Tòa án để chứng minh cho ý kiến của mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa:

3.1. Nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như trên và trình bày bổ sung:

- Bà T trình bày: Bà T mong muốn được nuôi 02 con chung vì cả hai đều là con gái. Cháu L sống với mẹ từ nhỏ, còn cháu A thì còn nhỏ, cần được mẹ trực tiếp chăm sóc. Hiện bà T sống cùng bố mẹ ruột nên cũng được ông bà hỗ trợ trong việc đưa rước các cháu đi học. Bà T thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con,

chỉ yêu cầu cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Ông V trình bày: Hiện tại ông sống một mình nhưng vẫn thu xếp đưa rước cháu A đi học mầm non mỗi ngày được. Ông V không đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi nên không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T.

3.2. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

+ Về con chung: Cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, cháu A từ nhỏ đã sống chung với mẹ, môi trường sống, học tập đã ổn định. Căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận giao cháu L và A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, ông V cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

Nguyên đơn, bị đơn không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/2014, quyển số 01, ngày 24/12/2014. Hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng bà T, ông V chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà T, ông V đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, hai người thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông V nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông V có 02 con chung tên Nguyễn L, sinh ngày: 10/01/2008 và Nguyễn A, sinh ngày: 14/9/2015.

Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Ông V đồng ý giao cháu L cho bà T nuôi, ông V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A.

Xét thấy, cháu Nguyễn L trên 07 tuổi, tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020, cháu L có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Đối với cháu A: Hiện tại

cháu dưới 05 tuổi, trong thời gian cha mẹ không chung sống với nhau (khoảng 01 năm 03 tháng), cháu A được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét cháu A còn nhỏ, là bé gái, được mẹ chăm sóc tốt, sức khỏe và việc học tập đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc được trực tiếp nuôi con chung.

Ông V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Bà T các thành viên trong gia đình không được cản trở người còn lại trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Khoản 24 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên…*". Trong vụ án này, cháu L và cháu A cần được cấp dưỡng một khoản tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các cháu trong cuộc sống. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Do đó, yêu cầu của bà T về việc buộc ông V cấp dưỡng cho cháu L và cháu A là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Xét thấy, ông V có công việc và nguồn thu nhập ổn định. Cháu L và A còn nhỏ, cần có các khoản tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu hằng ngày cho cháu như ăn uống, học phí và các chi phí sinh hoạt khác. Khoản tiền bà Tyêu cầu cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/mỗi cháu là phù hợp với tình hình thu nhập của các bên và chi phí thực tế tại địa phương nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà T yêu cầu ly hôn với ông V và yêu cầu Tòa án buộc ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh T đối với bị đơn ông Nguyễn V về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh T và ông Nguyễn V được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Trịnh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung:

+ Cháu Nguyễn L, sinh ngày: 10/01/2008;

+ Cháu Nguyễn A, sinh ngày 14/9/2015.

Ông Nguyễn V cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn L và cháu Nguyễn A mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu (một triệu năm trăm nghìn đồng cho mỗi cháu). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trịnh T cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Trịnh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn V trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Trịnh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/0042846 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được

sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân